

Số: 7917/BC-TTCH

Đồng Nai, ngày 22 tháng 9 năm 2021

BÁO CÁO NHANH
Công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
Đến 22h00 ngày 21/9/2021

I. Tình hình dịch bệnh

1. Số ca mắc:

		Trong ngày	Tăng/giảm	Lũy kế
Số ca mắc		1.036	Tăng (66,3%)	42.508**
Đang điều trị (20.731)	<i>Tầng 3</i>	14	Giảm (36,4%)	192
	<i>Tầng 2</i>	509	Tăng (37,9%)	5.194
	<i>Tầng 1</i>	410	Giảm (26,3%)	7.258
	<i>Khác</i>			8.091
Khỏi bệnh*		459	Giảm (17,7%)	21.385
Tử vong*		04	Giảm (33,3%)	392

*Số khỏi bệnh, tử vong báo cáo theo danh sách cấp giấy ra viện và bệnh án tử vong trong ngày.

**Hiệu chỉnh 40 ca bệnh: bỏ 38 ca trùng tại Trảng Bom (03), Biên Hòa (01), Nhơn Trạch (03), Vĩnh Cửu (22), Định Quán (07); Định Quán chuyển 02 ca sang Biên Hòa do bệnh nhân đang điều trị ở BV Đồng Nai nhiễm covid.

2. Tình hình xét nghiệm:

	Trong ngày	Tăng/giảm	Lũy kế
Số xét nghiệm thực hiện	38.865	Tăng (38,3%)	2.800.489
Dương tính	2.214 (1.036 ca mới, 1.178 theo dõi điều trị)	Tăng (39,3%)	93.604
Âm tính	35.936	Tăng (38,1%)	2.689.680

- 06 cơ sở xét nghiệm khẳng định trên địa bàn tỉnh: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, BVĐK Đồng Nai, BVĐK Thống Nhất, BV Quốc tế Đồng Nai, BVĐKKV Long Khánh, PKĐK An Phúc Sài Gòn.

- 03 phòng xét nghiệm được phép thực hiện xét nghiệm sàng lọc vi rút SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR: BV Nhi đồng Đồng Nai, PKĐK Quốc tế Sỹ Mỹ, PKĐK Dân Y Biên Hòa.

- Trong ngày có 2.214/38.865 mẫu xét nghiệm dương tính với SARS-CoV-2, chiếm tỉ lệ 5,7%.

3. Tình hình cách ly, theo dõi sức khỏe:

	Trong ngày	Đang theo dõi	Kết thúc	Lũy kế
Cách ly tập trung	601	9.807	19.771	29.578
Cách ly tại nhà	316	11.249	53.705	64.954
Theo dõi sức khỏe	76	4.563	21.585	26.148

Trong ngày: 463 F1 (cộng dồn 18.655), 129 F2 (cộng dồn 31.170)

4. Tình hình lao động nước ngoài nhập cảnh cách ly trên địa bàn tỉnh:

- Cộng dồn: 1.683 trường hợp
- Đang thực hiện cách ly: 22 trường hợp
- Đã hoàn thành cách ly: 1.661 trường hợp

Trong đó: ghi nhận 03 trường hợp dương tính với SARS-CoV-2 (quốc tịch Ấn Độ) được cách ly ngay sau khi nhập cảnh; 34 trường hợp nhập cảnh trái phép (quốc tịch Trung Quốc).

5. Tình hình phòng, chống dịch tại các doanh nghiệp trong KCN

- Ca F0 trong ngày: 67 ca, lũy kế 1.847 ca F0/140.308 tổng số LĐ Doanh nghiệp thực hiện 3T

- DN có F0 trong ngày: 02 DN; Lũy kế DN 3T có F0: 65/1.122 tổng số DN thực hiện 3T. Chi tiết Doanh nghiệp có ca nhiễm như sau:

+ Công ty TNHH Ocean Ken International – KCN Tam Phước: Công ty có 40 F0, Công ty thực hiện 3T từ ngày 17/7/2021; Công ty thực hiện test 100% lần đầu và định kỳ đúng quy định. Theo điều tra ban đầu nguồn lây nhiễm từ bệnh viện, do ngày 14/9/2021 Công ty đưa người lao động đi cấp cứu sau đó trở lại Công ty dẫn đến lây nhiễm, do người này không thể về nhà do địa phương nơi cư trú không cho.

+ Công ty TNHH Công nghệ Ác quy Heng Li (Việt Nam) - KCN Trạch III: Công ty có 27 F0, Công ty nghi ngờ nguồn lây do mua bán - giao nhận hàng hoá ra vào Công ty.

- Điều trị khỏi: 1.283/1.847 ca F0 của doanh nghiệp thực hiện 3T, chiếm 69,46%

- Đang điều trị: 564 ca, chiếm 30,54%.

- Số doanh nghiệp 3T có ca F0 đang điều trị 33/65 Doanh nghiệp.

II. Các hoạt động đã triển khai thực hiện

1. Thu dung, điều trị:

a) Ca bệnh ghi nhận trên địa bàn tỉnh

- Ca mắc tại cộng đồng: 42.480 ca

- Ca mắc cách ly ngay sau khi nhập cảnh: 28 ca

b) Tình hình điều trị trên địa bàn tỉnh

- Trong ngày, 459 bệnh nhân được xác nhận điều trị khỏi, xuất viện, bàn giao về địa phương tiếp tục theo dõi sức khỏe theo quy định; 04 ca bệnh tử vong do COVID-19.

- 179 ca là phụ nữ đang mang thai, 2.491 ca dưới 18 tuổi, 500 ca trên 65 tuổi và có bệnh lý nền.

- 59 ca bệnh diễn tiến nguy kịch (suy hô hấp cấp tiến triển (ARDS), suy đa tạng, sốc nhiễm trùng,...);

+ 01 ca ECMO

+ 58 ca thở máy xâm lấn

- 475 ca bệnh có diễn tiến nặng (viêm phổi nặng);

- 3.591 ca có triệu chứng nhẹ-trung bình, 8.578 ca không triệu chứng.

c) Phân tầng điều trị

- Bệnh viện dã chiến số 11 tại Trang tại Hồng Gấm (xã Xuân Hòa, huyện Xuân Lộc) do Trung tâm Y tế Tân Phú phụ trách đã chính thức đi vào hoạt động với công suất tối đa 3.000 giường, hiện đã triển khai 2.590 giường điều trị.

- Số giường cách ly theo dõi F0 không triệu chứng do các huyện/TP quản lý (Tầng 1): 14.690 giường (trống 7.297 giường).

- Số giường Bệnh viện dã chiến (Tầng 2): 8.964 giường (trống 3.770 giường)

- Số giường Hồi sức tích cực (Tầng 3): 410 giường (trống 216 giường)

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

2. Hoạt động cách ly theo dõi, giám sát đối tượng:

- Chuyển các ca dương tính có triệu chứng mới ghi nhận trong ngày về các Bệnh viện dã chiến điều trị; tiếp tục điều tra, truy vết các trường hợp liên quan để đưa vào diện cách ly, lấy mẫu, quản lý theo quy định;

- Các ca dương tính không triệu chứng, nguy cơ thấp được quản lý theo dõi tại các khu cách ly theo dõi y tế F0 của các huyện, thành phố;

- 1.036 ca bệnh mới ghi nhận trên địa bàn tỉnh có 16 ca sàng lọc trong cộng đồng, 686 ca trong khu phong tỏa và 334 ca trong khu cách ly. Trong đó:

+ 16 ca trong cộng đồng:

- 01 ca ngụ tại tổ 3, khu phố Tân Mai 2, phường Phước Tân, Biên Hòa phát hiện qua xét nghiệm sàng lọc cơ sở y tế tại BVĐK Đồng Nai.
- 01 ca ngụ tại tổ 10, khu phố 3, phường Tam Hòa, Biên Hòa phát hiện qua xét nghiệm sàng lọc cơ sở y tế tại BVĐK Đồng Nai.
- 01 ca ngụ tại khu phố 2, phường Tân Hiệp, Biên Hòa phát hiện qua xét nghiệm sàng lọc cơ sở y tế BVĐK Thống Nhất.
- 01 ca ngụ tại khu phố 5, phường Tân Tiến phát hiện qua xét nghiệm sàng lọc cơ sở y tế tại BVĐK Đồng Nai.

- 03 ca ngụ tại ấp 6, xã Bình Sơn, huyện Long Thành về từ BVĐK Đồng Nai (chăm sóc người nhà tại Khoa Sản), đã ghi nhận ổ dịch thứ phát với 12 ca nhiễm.
- 09 ca ngụ tại khu phố 3, khu phố 5, TT Trảng Bom, huyện Trảng Bom đã ghi nhận ca mắc cộng đồng không rõ nguồn lây ngày 18/9. Trong đó 01 ca ở nhà trọ có biểu hiện sốt ho thực hiện test nhanh dương tính và tiếp tục phát hiện 06 ca cùng khu nhà trọ, 02 ca là người thân ca dương tính đã ghi nhận.

+ 686 ca trong khu phong tỏa: Ghi nhận nhiều nhất tại các phường Long Bình (40) – Biên Hòa; thị trấn Hiệp Phước (311), Phước Thiện (47), Phú Hội (24) – Nhơn Trạch; xã Sông Trầu (15), Bắc Sơn (13), Hố Nai 3 (10) – Trảng Bom; xã Thạnh Phú (117) – Vĩnh Cửu. Trong đó Công ty Ocean Ken (KCN Tam Phước) 40 ca, Công ty Green Mark Constrution – Dự án Aquacity (Long Hưng, Biên Hòa) 04 ca

- Hiện còn 301 trường hợp test nhanh đang chờ kết quả khẳng định bằng phương pháp Realtime RT-PCR. Trong đó: Nhơn Trạch (55), Trảng Bom (246); các phòng xét nghiệm ghi nhận 715 mẫu nghi ngờ, gộp dương chờ kết quả khẳng định.

- Điều tra, truy vết và chuyển cách ly tập trung các đối tượng nguy cơ, trong đó: Nhơn Trạch 299, Biên Hòa 227 (82 trường hợp test nhanh dương tính), Trảng Bom 64 (54 trường hợp test nhanh dương tính), Xuân Lộc 04, Định Quán 04, Long Khánh 03;

- Ban chỉ đạo phòng chống dịch COVID-19 tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh sách đối tượng hoàn thành cách ly, bàn giao những trường hợp đã thực hiện đủ thời gian cách ly 14 ngày và có kết quả xét nghiệm tối thiểu 03 lần âm tính với SARS-CoV-2 tại các cơ sở cách ly tập trung trên địa bàn tỉnh về địa phương tiếp tục theo dõi sức khỏe.

3. Hoạt động kiểm dịch y tế:

- Kiểm dịch cảng trong ngày: 01 tàu, 19 người.

- Cộng dồn: 1.127 tàu, 21.070 người

(Đã ghi nhận: 03 trường hợp thuyền viên quốc tịch Philippin dương tính)

4. Hoạt động tiêm chủng vắc xin ngừa COVID-19:

Cơ bản hoàn thành tiêm chủng Đợt 1-8, đang triển khai Đợt 9 (từ ngày 17/9/2021)

- **Tổng số tiêm trong ngày: 1.666 liều.**

Trong đó: Mũi 1: 1.420 người; Mũi 2: 246 người.

- Tiến độ theo Kế hoạch: Đợt 9 đạt 0,9% kế hoạch (chưa nhận được vắc xin)

- Số liều vắc xin còn lại: 11.627 liều.

Đến hiện tại, trên địa bàn tỉnh đã thực hiện tiêm **1.864.230 liều** vắc xin COVID-19 cho **1.758.110 người** (chiếm tỉ lệ **78,0%** đối tượng trên 18 tuổi toàn tỉnh), trong đó có 106.120 người đã tiêm đủ liều (chiếm tỉ lệ 4,71%).

5. Các hoạt động khác:

- Duy trì hệ thống giám sát bệnh truyền nhiễm trên địa bàn tỉnh;
- Thực hiện Kế hoạch số 11102/KH-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2021 về việc Từng bước phục hồi các hoạt động kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng, đảm bảo công tác phòng, chống dịch COVID-19 tại tỉnh Đồng Nai trong tình hình mới **bắt đầu lúc 0h00 ngày 20/9/2021**. Từ ngày 16/9/2021 đến hết ngày 19/9/2021 tỉnh Đồng Nai vẫn tiếp tục thực hiện Chỉ thị 15/CT-UBND ngày 08/7/2021 của UBND tỉnh giãn cách toàn xã hội theo Chỉ thị 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, tiếp tục tăng cường thực hiện nghiêm các biện pháp trong công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo tại Công văn số 10569/UBND-KGVX ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh.

- Ngành công an chủ trì, phối hợp ngành y tế và các ban ngành liên quan thực hiện Kế hoạch số 5990/PA-UBND ngày 01/6/2021 và Quyết định số 1861/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 về việc triển khai lực lượng kiểm soát, phòng, chống dịch bệnh COVID-19 từ các tỉnh, thành phố khác đến địa bàn tỉnh Đồng Nai, bao gồm: 10 chốt kiểm soát cấp tỉnh (bao gồm 08 chốt đường bộ và 02 chốt đường thủy) và 12 chốt kiểm soát cấp huyện, Thực hiện khai báo y tế, kiểm tra thân nhiệt và đeo khẩu trang đối với 100% người và phương tiện, Đồng thời triển khai thực hiện Công văn số 1294/CAT-PA03 ngày 01/5/2021 về việc tăng cường kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm quy định phòng chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh;

III. Nhận định tình hình dịch bệnh và Kiến nghị

1. Nhận định tình hình dịch bệnh

- Trong ngày ghi nhận 16 ca trong cộng đồng tại Trảng Bom (09), Biên Hòa (04), Long Thành (03). Trong đó: tại Trảng Bom khu trú ở khu phố 3 và khu phố 5, thị trấn Trảng Bom; tại Biên Hòa ghi nhận rải rác các phường Phước Tân, Tam Hòa, Tân Hiệp, Tân Tiến; và tại Long Thành ghi nhận ô dịch tại xã Bình Sơn nguồn lây từ người về từ BVĐK Đồng Nai đã có lây nhiễm thứ phát.

- Tiếp tục ghi nhận nhiều ca trong các khu phong tỏa rộng và công ty thực hiện 3T tại các phường Long Bình (40) – Biên Hòa; thị trấn Hiệp Phước (311), Phước Thiện (47), Phú Hội (24) – Nhơn Trạch; xã Sông Trầu (15), Bắc Sơn (13), Hồ Nai 3 (10) – Trảng Bom; xã Thạnh Phú (117) – Vĩnh Cửu.

Trong đó Công ty Ocean Ken (KCN Tam Phước) 40 ca, Công ty Green Mark Constrution – Dự án Aquacity (Long Hưng, Biên Hòa) 04 ca.

- Tỷ lệ bao phủ mũi 1 vắc xin cho người trưởng thành trên địa bàn tỉnh đạt 78,0%

IV. Kiến nghị

- Các địa phương tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện nghiêm việc giãn cách trong các khu phong tỏa. Thường xuyên tổ chức đánh giá chính xác mức độ nguy cơ trên địa bàn để thu hẹp vùng phong tỏa, triển khai áp dụng các biện pháp phòng chống dịch phù hợp, kịp thời.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc lây nhiễm chéo tại các khu cách ly tập trung, bệnh viện.

- Theo dõi sức khỏe tại địa phương đối với các trường hợp có lịch sử di chuyển đi khám, chữa bệnh tại các bệnh viện về.

- Tăng cường xét nghiệm, tầm soát, kiểm soát chặt nguồn lây từ bên ngoài ở các công ty thực hiện 3T.

- Thực hiện Kế hoạch số 11102/KH-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2021 về việc Từng bước phục hồi các hoạt động kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng, đảm bảo công tác phòng, chống dịch COVID-19 tại tỉnh Đồng Nai trong tình hình mới.

Trên đây là báo cáo nhanh công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai./.

Nơi nhận:

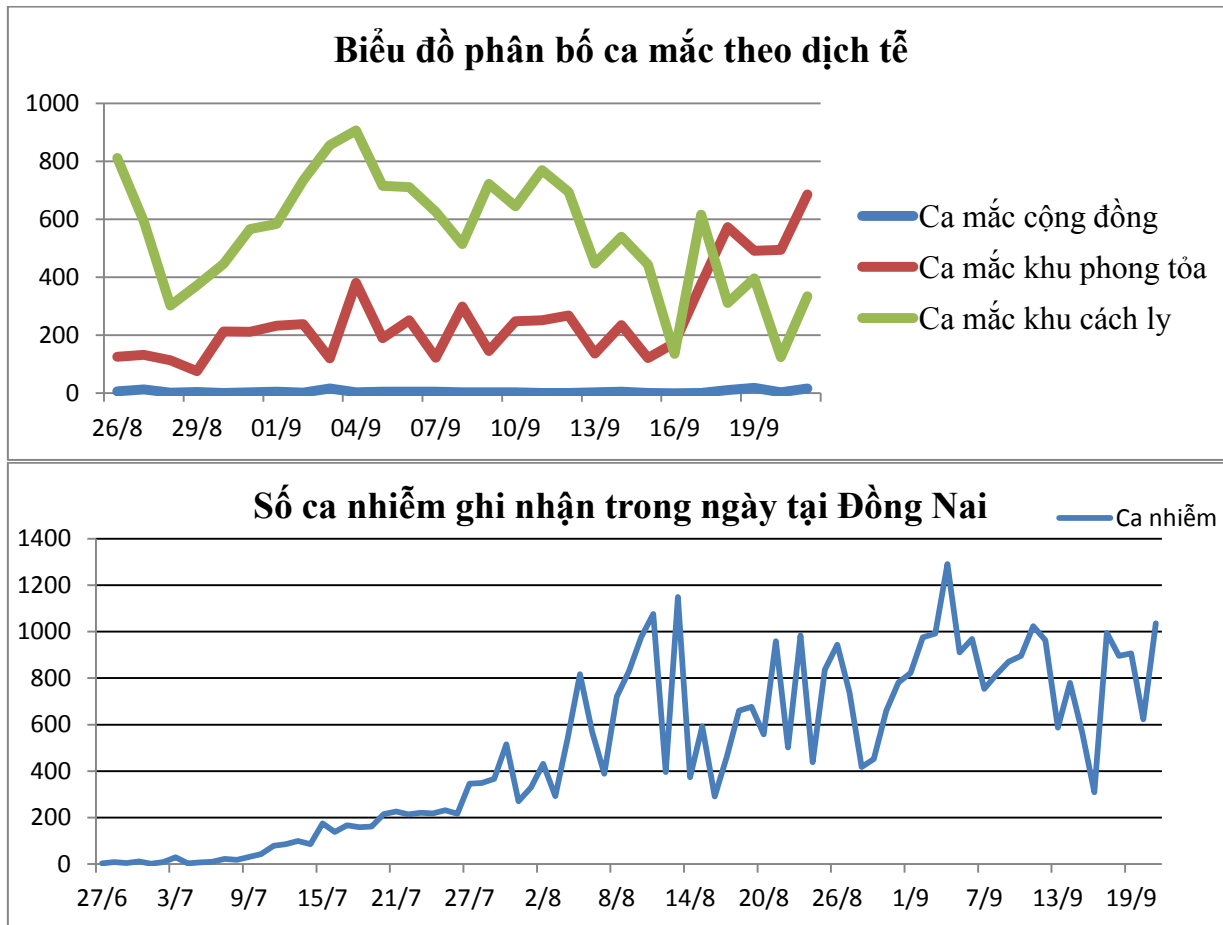
- Bộ Y tế;
- TU, UBND Tỉnh;
- BCĐ tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Website SYT;
- Lưu VT, NV.

**KT. CHỈ HUY TRƯỞNG
PHÓ CHỈ HUY TRƯỞNG**

**GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ
Phan Huy Anh Vũ**

Phụ lục 1: Số ca mắc từ ngày 27/4 đến nay (đợt dịch thứ 4)

STT	Xã/phường	Trong ngày					Lũy kế
		Số ca nhiễm mới	Tăng/giảm	Cộng đồng	CLTT	Khu phong tỏa	
1	Biên Hòa	395	15,8%	4	287	104	16634
2	Nhon Trạch	436	300,0%	0	42	394	10539
3	Vĩnh Cửu	128	184,4%	0	0	128	9291
4	Trảng Bom	47	-61,5%	9	0	38	3255
5	Long Thành	17	240,0%	3	2	12	864
6	Thống Nhất	5	400,0%	0	1	4	481
7	Long Khánh	0	-	0	0	0	328
8	Xuân Lộc	2	-	0	2	0	283
9	Định Quán	3	-	0	0	3	249
10	Cẩm Mỹ	0	-	0	0	0	198
11	Tân Phú	0	-	0	0	0	22
12	Ngoại tỉnh, khác	3	-	0	0	3	332
Tổng cộng		1.036	66,3%	16	334	686	42.476



Phụ lục 2: Theo dõi ca nhiễm trong ngày

STT	Huyện	Trong ngày (ca trong nước)								Số ca Chưa rõ nguồn lây
		Tổng số Ca Mắc mới trong ngày	Sàng lọc tại cơ sở y tế	Số ca trong Khu Cách Ly	Số ca trong Khu Phong Tỏa	Sàng lọc cộng đồng				
						Tổng	Trong đó			
Cộng Đồng	Khu nhà trọ	Doanh nghiệp								
NGUY CƠ RẤT CAO (VÙNG ĐỎ) (19)										
1	Biên Hòa	277	2	201	74					
1.1	<i>An Bình</i>	10		3	7					
1.2	<i>Hóa An</i>	3		3						
1.3	<i>Long Bình</i>	50		10	40					
1.4	<i>Long Bình Tân</i>	56		56						
1.5	<i>Phước Tân</i>	15	1	14						1
1.6	<i>Quang Vinh</i>	14		13	1					
1.7	<i>Tam Phước</i>	80		69	11					
1.8	<i>Tân Biên</i>	14		4	10					
1.9	<i>Tân Hiệp</i>	4	1	2	1					1
1.10	<i>Tân Phong</i>	18		18						
1.11	<i>Trung Dũng</i>	13		9	4					
2	Long Thành	2	0	2	0					
2.1	<i>An Phước</i>	2		2						
2.2	<i>TT Long Thành</i>	0								
3	Nhon Trạch	375	0	17	358					
3.1	<i>Hiệp Phước</i>	325		14	311					
3.2	<i>Phước Thiện</i>	50		3	47					
4	Trảng Bom	25	0	0	25					
4.1	<i>Hố Nai 3</i>	10			10					
4.2	<i>Sông Trầu</i>	15			15					

5	Vĩnh Cửu	125	0	0	125					
5.1	<i>Thanh Phú</i>	117			117					
5.2	<i>Thiện Tân</i>	8			8					
NGUY CƠ CAO (VÙNG CAM) (19)										
1	Biên Hòa	32	0	28	4					
1.1	<i>Hố Nai</i>	11		10	1					
1.2	<i>Tân Hòa</i>	8		8						
1.3	<i>Tân Mai</i>	1			1					
1.4	<i>Thanh Bình</i>	0								
1.5	<i>Trảng Dài</i>	12		10	2					
2	Long Thành	0	0	0	0					
2.1	<i>Tam An</i>	0								
2.2	<i>Long An</i>	0								
3	Nhon Trạch	48	0	15	33					
3.1	<i>Đại Phước</i>	7		7						
3.2	<i>Long Thọ</i>	4			4					
3.3	<i>Phú Đông</i>	5			5					
3.4	<i>Phú Hội</i>	32		8	24					
4	Thông Nhất	4	0	0	4					
4.1	<i>Dầu Giây</i>	4			4					
4.2	<i>Gia Kiệm</i>	0								
5	Trảng Bom	13	0	0	13					
5.1	<i>Bắc Sơn</i>	13			13					
5.2	<i>Bình Minh</i>	0								
6	Vĩnh Cửu	3	0	0	3					
6.1	<i>Tân An</i>	3			3					
6.2	<i>Trị An</i>	0								
6.3	<i>Vĩnh Tân</i>	0								
7	Xuân Lộc	2	0	0	0					
7.1	<i>Xuân Hưng</i>	2		2						

NGUY CƠ (VÙNG VÀNG) (33)										
1	Biên Hòa	30	2	27	9					
1.1	<i>An Hòa</i>	15		2						
1.2	<i>Bình Đa</i>	15		3	2					
1.3	<i>Bửu Hòa</i>	15		17	14					
1.4	<i>Bửu Long</i>	15		1						
1.5	<i>Hiệp Hòa</i>	15		5						
1.6	<i>Hòa Bình</i>	15		2						
1.7	<i>Long Hưng</i>	15		4						
1.8	<i>Quyết Thắng</i>	0								
1.9	<i>Tam Hiệp</i>	0		1						
1.10	<i>Tam Hòa</i>	0	1	5						1
1.11	<i>Tân Hạnh</i>	0								
1.12	<i>Tân Tiến</i>	0	1		3					
1.13	<i>Tân Vạn</i>	0		6	5					
1.14	<i>Thống Nhất</i>	15		11	1					
2	Định Quán	0	0	0	0					
2.1	<i>La Ngà</i>	0								
3	Long Thành	15	3	0	12					
3.1	<i>Bàu Cạn</i>	0								
3.2	<i>Bình Sơn</i>	15	3		12					
3.3	<i>Long Đức</i>	0								
3.4	<i>Long Phước</i>	0								
3.5	<i>Phước Thái</i>	0								
4	Nhon Trạch	11	0	8	3					
4.1	<i>Long Tân</i>	0								
4.2	<i>Phú Hữu</i>	7		6	1					
4.3	<i>Phú Thạnh</i>	2			2					
4.4	<i>Phước An</i>	1		1						
4.5	<i>Phước Khánh</i>	1		1						

Phụ lục 3: Ca bệnh tử vong do COVID-19 mới ghi nhận

S T T	Họ Tên	Năm sinh		Nơi ghi nhận	Địa chỉ	Ngày tử vong	Nguyên nhân tử vong
		Nam	Nữ				
01	N.T.M		1958	BVTN	P.Long Bình Tân, BH	20/9/21	Ngưng tim hồi sức không thành công/Choáng nhiễm trùng từ phổi/Viêm phổi nặng do Sars CoV 2/ Tổn thương thận cấp
02	Đ.T.T.T		1965	BTN	Tổ 26, Khu phố 6, Phường Hố Nai, Thành phố Biên Hòa	20/9/21	Sốc nhiễm khuẩn – Suy đa phủ tạng - Viêm phổi mức độ nguy kịch do SARS - CoV -2 biến chứng ARDS – Đái tháo đường typ 2 - Tăng huyết áp
03	M.T.N		1973	BTN	ấp Đất Mới, Phú Hôi, Nhơn Trạch	20/9/21	viêm phổi mức độ nguy kịch do SARS coV 2, tăng huyết áp, đái tháo đường type 2
04	L.T.H		1963	BVTN	Vĩnh An, Vĩnh Cửu	20/9/21	Viêm phổi mức độ nguy kịch- Suy đa cơ quan- Xuất huyết tiêu hoá/ Di chứng TBMMN, THA, BMV đã đặt Stent MV

Phụ lục 4: Tiến độ tiêm ngừa vắc xin COVID-19 trên địa bàn tỉnh

	Tổng tiêm	Mũi 1	Mũi 2	PU' nhẹ	PU' nặng	Số liều KH	Tỉ lệ hoàn thành
Đợt 1	20.376	20.376	0	7.407	4	17.450	116,77%
Đợt 2	35.525	35.217	308	8.152	8	28.980	122,58%
Đợt 3	24.918	5.793	19.125	1.548	4	21.000	118,66%
Đợt 4	340.917	299.112	41.805	1.823	8	316.160	107,83%
Đợt 5	172.175	146.282	25.893	875	0	157.000	109,67%
Đợt 6	278.583	275.990	2.593	9	0	265.210	105,04%
Đợt 7	670.689	669.735	954	6.675	0	686.590	97,68%
Đợt 8	311.524	298.734	12.790	288	0	307.250	101,39%
Đợt 9	4.623	4.421	202	0	0	515.500	0,90%
Khác	4.900	2.450	2.450	0	0	4.900	100,00%
Tổng cộng	1.864.230	1.758.110	106.120	26.777	24	2.320.040	80,35%

Phụ lục 5: Tình hình điều trị F0 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

TT	Cơ sở	Giường kế hoạch COVID	Giường thực kê COVID (con số chính xác)	Số CA + mới trong ngày (24h)	Xuất viện trong ngày (24h)	Chuyển viện trong ngày	Tử vong trong ngày (24h)	Số ca đang điều trị	Cộng dồn			Số ca đang điều trị, trong đó					Phụ nữ có thai	BN < 18 tuổi	< 65 tuổi và không có bệnh lý nền	> 65 tuổi và có bệnh lý nền	Khả năng còn tiếp nhận	
									Chuyển viện	Tử vong	Xuất viện	HFNC	Thở máy		Thở oxy	Có triệu chứng (ho, sốt, đau họng...)						Không triệu chứng
													Không xâm lấn (CPAP)	Xâm lấn								
TẦNG 3																						
1	BVĐN/ HSTC	40	40	2	0	1	0	35	70	131	0	7	0	25	3		0	1	0	27	9	5
2	BVTN/TTHSTC	400	200	9	0	5	3	113	107	158	13	20	6	33	33			1	0	81	32	87
3	BVĐKKVLK/HSTC	100	40	0	0	0	0	12	54	34	21	0	1	1	10	0	0	1	0	3	2	28

4	BVĐKKVLT	100	100	3	0	1	0	36	44	33	0	8	3	0	25	0	0	30	6	64		
5	BV Nhi ĐN	20	10																			
6	BV Định Quán	60	11	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	11
7	BV Phôi																					
8	BV QTCTCH SG-ĐN																					
9	BV Đồng Nai 2	10	7	0	0	2	0	7	104	0	102	3	0	0	7	7	0	0	0	1	6	3
10	Trung tâm Y tế Vĩnh Cửu																					
11	BV Cao su Đồng Nai																					
Tổng cộng (tầng 3)		730	408	14	0	9	3	192	380	356	136	38	10	59	78	7	0	33	6	176	49	216

TẦNG 2

1	Bệnh viện dã chiến số 1	350	285	0	0	0	0	258	20	1	941	1	0	0	5	171	87	4	58	192	4	27
2	Bệnh viện dã chiến số 2	350	370	84	3	1	0	340	84	0	890	0	0	0	8	150	70	8	75	156	17	0
3	Bệnh viện dã chiến số 3	550	500	3	63	1	0	453	60	0	1462	0	0	0	18	20	433	13	69	367	86	47
4	Bệnh viện dã chiến số 4	360	345	34	57	0	0	316	62	0	1198	0	0	0	7	59	248	0	84	274	4	30
5	Bệnh viện dã chiến số 5	300	316	3	0	0	0	197	31	0	876	0	0	0	7	71	126	4	34	12	20	
6	Bệnh viện dã chiến số 6	1200	1090	49	1	2	0	745	92	0	3540	0	0	0	32	254	459	15	201	652	15	265
7	Bệnh viện dã chiến số 7	730	700	65	102	0	0	652	112	1	2265	0	0	0	12	258	382	14	258		42	48
8	Bệnh viện dã chiến số 8	650	635	10	74	1	0	550	31	0	1170	0	0	0	19	179	352	9	64		16	85
9	Bệnh viện dã chiến số 9	1000	662	48	42	0	0	424	18	0	1203	0	0	0	8	220	196	4	118	377	6	238
10	Bệnh viện dã chiến số 10	850	807	77	141	0	0	686	48	0	1628	0	0	0	27	106	580	4	167	505	14	121
11	Bệnh viện dã chiến số 11	3000	2590	103	0	0	0	103	0	0	0	0	0	0	0	53	50	3	29	0	0	2487
12	Bệnh viện Da liễu	150	150	10	4	2	0	118	23	0	427	0	0	0	4	32	82	0	14	97	4	10
13	Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai	150	74	6	12	3	0	60	88	13	168	2	0	0	40	35	6	5	2	10	13	14
14	Bệnh viện Nhi đồng	110	60	0	6	4		47							2	21	24		26	20	1	0
15	Bệnh viện ĐKKV Long Thành	150	150	0	14	0	0	78	0	0	79	0	0	0	10	68	0	2	5			
16	Bệnh viện ĐKKV Định Quán	60	30	0	1	0	0	14	3	0	9	1	0	0	2	2	12	0	2	0	0	16
17	Bệnh viện Phôi	60	11	0	0	0	0	3	0	3	0	0	0	0	3	1	2	0	0	0		
18	Bệnh viện Đa khoa	40	72	5	3	4	0	72	104	0	102	3	0	0	3	44	28	2	4	42	24	0

	Đồng Nai 2																					
19	Bệnh viện ĐH Y Dược Shing Mark	35	35	6	5	1		26	94	0	79	0			2	12	12	0	7	10	0	9
20	Trung tâm Y tế Vĩnh Cửu	20	65	0	0	0	0	50	24	1	60	0	3	0	0	31	19	0	5	47	3	15
21	Khoa Nhiệt đới BVTN	12	17	6	1	0	0	16	9	0	26	0	0	0	4	10	6	1	0	4	4	0
22	Bệnh viện Tâm thần TW 2	400	200	1	0	0	0	287	0	0	0	0	0	0	1	197	89	0	0	276	11	0
Tổng cộng (tầng 2)		10127	8964	509	529	19	0	5194	903	19	16123	7	3	0	213	1797	3174	88	1222	2765	273	3770

TẦNG 1

1	Biên Hòa	4234	3643	108	150	22	0	1932	753	12	3331	0	0	0	17	1129	1831	20	568	2743	131	610
2	Long Khánh	432	432	0	1	0	0	1	0	0	1	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0	431
3	Vĩnh Cửu	5790	5660	19	35	2	0	1573	1206	3	4702	0	0	0	0	84	1489	11	383	1296	13	2387
4	Định Quán	100	89	0	0	0	0	10	42	0	68	0	0	0	0	8	2	0	3	7	0	79
5	Tân Phú	60	60	0	0	0	0	0	0	0	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	60
6	Trảng Bom	876	871	133	53	12	0	622	1035	1	1225	0	0	0	0	48	574	6	136	477	3	233
7	Thống Nhất	130	140	0	1	3	0	13	44	0	1	0	0	0	0	0	13	1	4	12	1	120
8	Xuân Lộc																					
9	Cẩm Mỹ	500	200	0	3	0	0	7	2	0	25	0	0	0	0	2	5	0	1	4	0	193
10	Long Thành	250	250	17	14	0	0	123	31	0	489	0	0	0	0	0	123	2	46	119	4	127
11	Nhơn Trạch	3230	3210	133	12	51	1	1932	0	0	0	0	0	0	50	600	1282	18	122	1784	26	1278
	TỔNG CỘNG (Tầng 1)	15602	14555	410	269	90	1	7258	3113	16	9846	0	0	0	67	1871	5320	58	1263	6443	178	7297
	TỔNG TẦNG (3+2+1)	26459	23927	933	798	118	4	12644	4396	391	26105	45	13	59	358	3675	8494	179	2491	9384	500	11283